

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ HẠNH

ĐẠI DIỆN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG THEO QUY ĐỊNH
CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Hà Thị Mai Hiền

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		Trang
<i>Trang phụ bì</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẠI DIỆN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG	7		
1.1. Khái niệm chung về đại diện và đại diện giữa vợ và chồng	7		
1.1.1. Khái niệm chung về đại diện	7		
1.1.2. Bản chất và các đặc điểm pháp lý về đại diện giữa vợ và chồng	12		
1.1.2.1. Khái niệm chung về đại diện giữa vợ và chồng	12		
1.1.2.2. Đặc điểm chung của đại diện giữa vợ và chồng trong tương quan với đại diện	15		
1.2. Sơ lược lịch sử pháp luật Việt Nam điều chỉnh của pháp luật về quan hệ đại diện giữa vợ và chồng ở Việt Nam	26		
1.2.1. Giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám năm 1945	26		
1.2.2. Giai đoạn từ 1945 đến nay	28		
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ QUAN HỆ ĐẠI DIỆN GIỮA VỢ CHỒNG Ở VIỆT NAM	32		
2.1. Thực trạng pháp luật hiện hành về đại diện theo pháp luật giữa vợ và chồng và thực tiễn áp dụng	32	lực hành vi dân sự và thực tiễn áp dụng	
2.1.1. Đại diện giữa vợ chồng khi một bên vợ chồng bị mất năng lực hành vi dân sự và thực tiễn áp dụng	32	2.1.2. Đại diện giữa vợ chồng trong trường hợp vợ chồng bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và thực tiễn áp dụng	45
2.1.1.1. Điều kiện để xác định đại diện theo pháp luật giữa vợ và chồng một bên mất năng lực hành vi dân sự	32	2.1.2.1. Điều kiện để xác định đại diện theo pháp luật giữa vợ và chồng một bên hạn chế năng lực hành vi dân sự	45
2.1.1.2. Quyền và nghĩa vụ của vợ hoặc chồng với tư cách là người đại diện cho chồng hoặc vợ của mình bị mất năng	40	Quyền và nghĩa vụ của vợ hoặc chồng trong trường hợp chồng hoặc vợ của mình bị hạn chế năng lực hành vi và thực tiễn áp dụng	51
		2.1.2.2. Quyền và nghĩa vụ của vợ hoặc chồng trong trường hợp chồng hoặc vợ của mình bị hạn chế năng lực hành vi và thực tiễn áp dụng	51
		2.2. Thực trạng pháp luật hiện hành về đại diện theo ủy quyền giữa vợ và chồng và thực tiễn áp dụng	57
		2.2.1. Căn cứ pháp lý của việc đại diện theo ủy quyền giữa vợ và chồng	57
		2.2.1.1. Chủ thể đại diện trong quan hệ đại diện giữa vợ và chồng	57
		2.2.1.2. Phạm vi đại diện trong đại diện theo ủy quyền giữa vợ và chồng	60
		2.2.1.3. Hình thức văn bản ủy quyền của đại diện giữa vợ và chồng	61
		2.2.2. Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền và thực tiễn áp dụng	65
		2.2.2.1. Vợ, chồng đại diện cho nhau trong việc thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn, tài sản là nguồn sống duy nhất của gia đình hoặc dùng tài sản đầu tư kinh doanh và thực tiễn áp dụng	65
		2.2.2.2. Vợ, chồng đại diện cho nhau trong việc thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản riêng của một bên vợ chồng	74
		Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐẠI DIỆN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG	78
		3.1. Nhu cầu khách quan và phương hướng hoàn thiện pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng	78
		3.1.1. Nhu cầu khách quan của việc hoàn thiện pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng	78
		3.1.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng	86
		3.2. Một số giải pháp hoàn thiện và đảm bảo thực hiện của	91

pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng

KẾT LUẬN

101

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

103

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Cũng như các nước khác, tại Việt Nam đại diện là một chế định pháp luật, được quy định trong Bộ luật Dân sự 2005 nhằm hỗ trợ việc thực hiện năng lực chủ thể trong các quan hệ pháp luật nói chung và để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vị thành niên, của những người bị hạn chế, mất hoặc không có năng lực hành vi dân sự. Đại diện không những bảo vệ cho cá nhân mà còn liên quan đến pháp nhân.

Trên cơ sở quyền bình đẳng nam - nữ, quyền tự do của công dân, đảm bảo các quyền và lợi ích của những chủ thể pháp luật ngay cả khi họ không thể trực tiếp tham gia được các giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại, lao động... và các quan hệ xã hội khác. Xuất phát từ nguyên tắc tự do cam kết, thỏa thuận trong luật dân sự trong khuôn khổ pháp luật mà các cá nhân có thể tự do thỏa thuận giúp đỡ nhau và thỏa mãn lợi ích của nhau.

Theo đó quyền bình đẳng giữa vợ và chồng được pháp luật công nhận và bảo vệ, vợ chồng đều có quyền đại diện cho nhau và đại diện cho gia đình theo pháp luật và theo ủy quyền. Người vợ trong gia đình có quyền đại diện trong các quan hệ hôn nhân và gia đình không bị phân biệt với người chồng. Việc vợ, chồng đại diện cho nhau và cho gia đình trong các giao dịch dân sự ngày càng phổ biến, đa dạng trong các hoạt động kinh doanh, mua bán, trao đổi, cho vay, bảo lãnh... liên quan đến tài sản chung của vợ chồng, hoặc có thể liên quan đến tài sản riêng của vợ hoặc chồng.

Xuất phát từ việc bảo vệ lợi ích chung của gia đình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ, chồng thì việc đặt ra vấn đề đại diện là vô cùng cần thiết, như vậy tránh việc các giao lưu dân sự giữa vợ chồng với người thứ ba bị gián đoạn, hạn chế, tránh sự kìm hãm sự phát triển chung của xã hội.

Xuất phát từ thực tiễn, các giao lưu dân sự và thương mại của vợ, chồng ngày càng đa dạng, việc vợ, chồng tự do tham gia kinh doanh ngày càng nhiều, đặc biệt việc vợ chồng đưa tài sản chung vào giao lưu dân sự ngày càng sôi động và phức tạp vì vậy việc đại diện sẽ giải quyết được

nhiều vấn đề trong gia đình và ngoài xã hội nhất là việc đảm bảo được quyền, lợi ích của người thứ ba trong giao dịch dân sự.

Việc nghiên cứu vấn đề đại diện giữa vợ và chồng là vô cùng cần thiết, vì hành vi đại diện của vợ, chồng cho nhau trong các quan hệ dân sự không những để thực hiện chức năng của gia đình mà còn là thực hiện các quyền năng dân sự do pháp luật quy định. Việc đại diện cho nhau giữa vợ và chồng liên quan mật thiết đến lợi ích của vợ chồng trong các giao dịch dân sự và liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Điều này được chứng minh trước thực tế hiện nay có ngày càng nhiều những tranh chấp liên quan đến một bên vợ hoặc chồng đại diện cho nhau thực hiện các giao dịch dân sự nhưng đã vượt quá phạm vi đại diện hoặc có hành vi lừa dối trong các văn bản ủy quyền giữa vợ và chồng... khiến cho các giao dịch không được thực hiện, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích một bên vợ hoặc chồng, của vợ chồng và gia đình hoặc bên thứ ba.

Trước bối cảnh hội nhập quốc tế về các vấn đề hôn nhân và gia đình, dân sự... có yếu tố nước ngoài, cùng với việc Nhà nước ta đang đặt ra chương trình sửa đổi các văn bản pháp luật về dân sự, hôn nhân và gia đình và các văn bản pháp luật liên quan khác, việc nghiên cứu đề tài này để có những luận cứ khoa học sửa đổi pháp luật là cần thiết.

Chính bởi vậy việc nghiên cứu đại diện giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật hiện hành là một việc làm có tính cấp thiết, đáp ứng được yêu cầu cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chế định đại diện giữa vợ và chồng là một vấn đề không cũ nhưng trên thực tế có rất ít công trình nghiên cứu thấu đáo và đầy đủ. Vấn đề này được nhắc đến như một nội dung nhỏ trong các bài báo, hay các công trình nghiên cứu khác về quan hệ của vợ chồng như: Nguyễn Ngọc Điện: Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và gia đình, tập II: "*Các quan hệ tài sản giữa vợ và chồng*" Nxb Trẻ, 2004 đã khái quát lên những vấn đề chung nhất về đại diện giữa vợ và chồng theo pháp luật Hôn nhân và gia đình 2000. Cũng về vấn đề đại diện giữa vợ và chồng thì có những thắc

mắc có liên quan có trong mục tư vấn pháp luật của các báo và tạp chí như Nguyễn Minh Hằng: "*Đại diện theo ủy quyền từ pháp luật nội dung đến tố tụng dân sự*", Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 5, 2005; hay trên các diễn đàn pháp luật: diendanphapluat.vn như "thay đổi cổ đông công ty giữa vợ và chồng"... nhằm để giải quyết các vấn đề trong thực tế xảy ra của các vụ việc hay giao dịch dân sự có liên quan đến tài sản của vợ chồng, đến phạm vi đại diện giữa vợ và chồng, vượt quá phạm vi đại diện của vợ chồng... Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình của Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Dân sự của Viện Đại học Mở Hà Nội... còn mang tính giới thiệu và phân tích hạn chế. Tất cả các nội dung bàn về đại diện giữa vợ chồng đều chỉ là những giải thích trong các vụ việc cụ thể mà chưa có sự khái quát, hơn nữa nó được nằm rải rác ở nhiều báo, tạp chí khác nhau gây khó khăn cho việc thực hiện cũng như áp dụng pháp luật.

Như vậy đề tài đại diện giữa vợ và chồng chưa được đề cập đến một cách toàn diện và đầy đủ trong một công trình chuyên khảo nào ở nước ta, hơn thế nữa trước thực tế các vụ việc cũng như tranh chấp liên quan đến đại diện giữa vợ và chồng ngày càng nhiều và phức tạp, cộng với khả năng đáp ứng giải quyết của các quy định pháp luật của hôn nhân và gia đình còn hạn chế, nhiều cách hiểu khác nhau trong một quy định pháp luật. Bởi vậy việc nghiên cứu vấn đề này một cách có hệ thống và toàn diện là việc cần thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Bên cạnh đó việc nghiên cứu vấn đề đại diện của một số nước như Nhật Bản, Pháp, Đức thấy được vấn đề đại diện của các nước này thật sự cụ thể và rõ ràng, đặc biệt về đại diện của vợ chồng trong đời sống xã hội. Có được sự hoàn thiện này theo chúng tôi là do xuất phát từ chế định sở hữu của pháp luật của các nước này đi từ sở hữu cá nhân một cách minh bạch, tôn trọng. Trong khi đó ở Việt Nam lại ngược lại đi từ chế độ sở hữu tập thể nhà nước, chính vì vậy có sự nhập nhằng (sở hữu hộ gia đình, sở hữu chung vợ chồng về tài sản...), thiếu rõ ràng trong các chế độ sở hữu, đặc biệt sở hữu cá nhân cũng mới được công nhận tại Việt Nam. Chính vì vậy luận văn chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề đại diện của vợ chồng ở Việt Nam liên quan đến tài sản chung, riêng của vợ chồng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu của "Đại diện giữa vợ chồng theo pháp luật hiện hành" là:

- Những vấn đề chung về đại diện trong các quy định của pháp luật dân sự.

- Những vấn đề chung về đại diện giữa vợ chồng được quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

- Thực tiễn áp dụng pháp luật về đại diện giữa vợ chồng trong thực tế và những vấn đề đặt ra.

Phạm vi nghiên cứu: Do đề tài là về đại diện giữa vợ chồng theo pháp luật hiện hành nên phạm vi nghiên cứu chủ yếu đề cập đến những vấn đề đại diện của vợ và chồng trong các giao dịch dân sự ở Việt Nam hiện nay.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

- Mục đích

- + Nghiên cứu các quy định của pháp luật về chế độ đại diện giữa vợ và chồng. Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận của quan hệ đại diện giữa vợ và chồng.

- + Nghiên cứu việc áp dụng các quy định pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng trong thực tiễn và phát hiện những vướng mắc, bất cập trong khi áp dụng pháp luật.

- + Từ những nghiên cứu để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề đại diện giữa vợ và chồng ở nước ta để tăng cường hiệu quả điều chỉnh của pháp luật trong vấn đề này.

- Nhiệm vụ

- + Làm rõ cơ sở lý luận của pháp luật hiện hành về đại diện giữa vợ và chồng.

- + Đánh giá thực trạng của pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng.

- + Đề xuất giải pháp và kiến nghị góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về chế độ đại diện giữa vợ và chồng.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu đề tài là chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Phương pháp cụ thể là: phân tích, tổng hợp, so sánh, hệ thống, kết hợp với các phương pháp khác như phương pháp lịch sử, thống kê, lôgic...

6. Ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài

- Về lý luận làm rõ và có hệ thống hơn cơ sở lý luận của chế định đại diện giữa vợ và chồng.

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng, đề xuất những luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng ở Việt Nam.

- Là công trình khoa học có hệ thống, là tài liệu tham khảo cho giáo viên, sinh viên tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học cho cán bộ thực hiện pháp luật.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về đại diện giữa vợ và chồng.

Chương 2: Thực trạng pháp luật hiện hành về quan hệ đại diện giữa vợ và chồng ở Việt Nam.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐẠI DIỆN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

1.1. Khái niệm chung về đại diện và đại diện giữa vợ và chồng

1.1.1. Khái niệm chung về đại diện

Trong cuộc sống không phải lúc nào cá nhân cũng trực tiếp tham gia giao dịch dân sự. Đối với người chưa thành niên, người bị hạn chế năng

lực hành vi dân sự, người bị mất năng lực hành vi dân sự... thì người đại diện theo pháp luật của những người này là sự đảm bảo cần thiết để cho việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự của người được đại diện phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự mà quyền lợi có tính chất cộng đồng (hộ gia đình, tổ hợp tác, pháp nhân) thì chế định đại diện là yếu tố không thể thiếu để các chủ thể này tham gia vào giao dịch dân sự bởi suy cho cùng thì việc tham gia giao dịch dân sự vẫn phải thông qua hành vi của con người với sự nhận thức, làm chủ được hành vi của họ. Khái niệm đại diện được định nghĩa trong Từ điển Luật học của Nhà xuất bản Từ điển bách khoa và Nhà xuất bản Tư pháp như sau: "Đại diện được việc một người, một cơ quan, tổ chức khác xác lập, thực hiện hành vi pháp lý trong phạm vi thẩm quyền đại diện".

Như vậy, trong các định nghĩa này đã nêu rõ được về mặt chủ thể của quan hệ pháp luật đại diện sẽ có người đại diện và người được đại diện cùng với bên thứ ba khi người đại diện thực hiện các hành vi trong giao dịch. Người đại diện có thể là cá nhân cũng có thể là tập thể được nhân danh các chủ thể trong giao dịch để thực hiện các hành vi nhất định theo quy định của pháp luật hay nói đúng hơn là trong nội dung được uỷ quyền. Và như vậy trong hoàn cảnh này đây là đại diện theo sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, được pháp luật cho phép. Các chủ thể có thể đương nhiên phát sinh quyền đại diện cũng có thể thỏa thuận và trong một số trường hợp thì quyền đại diện sẽ là bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Đại diện có ý nghĩa rất lớn trong mọi mặt của đời sống xã hội và trong nhiều mối quan hệ khác, tuy nhiên, giới hạn phạm vi nghiên cứu của luận văn này chỉ đề cập tới đại diện trong lĩnh vực Dân sự, Hôn nhân gia đình chứ không đề cập đến các lĩnh vực khác như đại diện trong hành chính, ngoại giao...

Như vậy đại diện có thể được tiếp cận với các ý nghĩa sau:

- Là một tiểu chế định pháp luật dân sự - hôn nhân và gia đình.

Chế định pháp luật về đại diện ở đây có thể hiểu theo nghĩa hẹp đó là là tổng thể các quy phạm pháp luật dân sự và hôn nhân gia đình điều

chính nhóm quan hệ về đại diện giữa những chủ thể pháp luật nhất định, cụ thể. Các cá nhân, tổ chức tham gia vào quan hệ đại diện bắt buộc phải tuân thủ các quy định pháp luật về đại diện.

- Đại diện còn được tiếp cận là một quan hệ pháp luật dân sự - hôn nhân và gia đình

Qua việc xác lập và thực hiện giao dịch dân sự khẳng định đại diện là một quan hệ pháp luật dân sự. Các yếu tố của quan hệ pháp luật dân sự trong trường hợp này bao gồm:

Chủ thể của quan hệ pháp luật này gồm có người đại diện và người được đại diện. Người đại diện là người nhân danh người được đại diện xác lập quan hệ với người thứ ba nhưng khi xác lập quan hệ đại diện này là vì lợi ích của người được đại diện. Người được đại diện là người được tiếp nhận, thụ hưởng các hậu quả pháp lý từ quan hệ do người đại diện xác lập, thực hiện theo đúng thẩm quyền đại diện.

Khách thể của quan hệ đại diện là hành vi tức các quyền và nghĩa vụ mà các bên hướng tới đầu tiên và trực tiếp dưới dạng hành động hoặc không hành động. Có những hành vi được thể hiện dưới dạng vật chất cụ thể có những hành vi không thể hiện dưới dạng vật chất thì khi đó việc vật chất hóa là cần thiết. Suy cho cùng thì việc trực tiếp hay thực hiện đại diện đều nhằm hướng tới một lợi ích vật chất nhất định.

Nội dung của quan hệ đại diện chính là các quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên tham gia giao dịch, nhiều khi các quyền và nghĩa vụ này đan xen vào nhau và rất phức tạp.

1.1.2.1. Khái niệm chung về đại diện giữa vợ và chồng

Tại Khoản 1 Điều 24 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000: "*Đại diện giữa vợ và chồng là việc một bên vợ hoặc chồng nhân danh cả hai người để tham gia các quan hệ ngoài xã hội (như thực hiện những giao dịch dân sự, kinh tế...) mà pháp luật quy định cần phải có sự thỏa thuận của vợ chồng nhưng người còn lại không trực tiếp tham gia được nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của vợ, chồng và gia đình*".

1.1.2.2. Đặc điểm chung của đại diện giữa vợ và chồng trong tương quan với đại diện

Thứ nhất, tư cách chủ thể trong đại diện giữa vợ và chồng trong tương quan với đại diện:

Tư cách chủ thể trong đại diện giữa vợ và chồng thuận lợi và đơn giản hơn khi tham gia giao dịch so với tư cách chủ thể trong đại diện nói chung. Việc một bên vợ chồng đại diện cho nhau thực hiện giao dịch nhưng bản chất có những giao dịch tư cách chủ thể của đại diện và được đại diện trùng nhau, thống nhất là một. Chính bởi vậy trong nhiều giao dịch tư cách chủ thể của vợ và chồng không có có ý nghĩa pháp lý về đại diện nhưng lại có ý nghĩa về việc đảm bảo thực hiện giao dịch đối với bên thứ ba. Và đặc biệt hơn là có những quan hệ trong đại diện theo pháp luật nói chung không thể đại diện được nhưng đại diện của vợ và chồng lại thực hiện được đó là vợ chồng đại diện cho nhau khi thực hiện những nghĩa vụ thuộc về nhân thân, cá nhân của một bên vợ hoặc chồng.

Thứ hai, ý chí chủ thể trong đại diện giữa vợ và chồng trong tương quan với đại diện:

Trong đại diện theo pháp luật dân sự thì ý chí của chủ thể là không thể thiếu đặc biệt đại diện trong hợp đồng ủy quyền. Như chúng ta đã biết một người chỉ bị ràng buộc bởi ý chí của chính mình, cho nên khi sự tự do ý chí bị vi phạm thì sẽ không có hợp đồng ủy quyền và cũng không phải gánh chịu hậu quả từ những gì mà người đại diện thực hiện. Người ta sẽ không bao giờ giao cho một người mà mình không tin cậy thay mặt mình thực hiện những hành vi mà hậu quả của nó có thể là thiệt hại lớn về tài sản, uy tín, danh dự... của mình. Nhưng đối với quan hệ hôn nhân thì các yếu tố này nhiều khi không ảnh hưởng đến đại diện giữa vợ và chồng. Bởi vì vợ chồng khi đại diện cho nhau thì nhiều khi lợi ích và sự thỏa thuận là thống nhất với nhau.

Ý chí chủ thể của người đại diện và người được đại diện trong đại diện theo pháp luật dân sự là một yếu tố không thể không tách bạch trong các giao dịch dân sự nói chung, còn đối với quan hệ hôn nhân gia đình thì việc xác định ý chí này trong nhiều trường hợp không cần đề cập đến.

Thứ ba, phạm vi đại diện giữa vợ và chồng và phạm vi đại diện.

Trong đại diện nói chung người đại diện được toàn quyền nhân danh người được đại diện thực hiện toàn bộ hành vi liên quan đến giao dịch và chỉ bị giới hạn bởi yếu tố phạm vi đại diện. Người đại diện phải thực hiện hành vi đại diện theo đúng nguyên tắc là vì lợi ích của người được đại diện. Phạm vi của đại diện thường được giới hạn cụ thể trong văn bản ủy quyền khi hai bên ký kết văn bản ủy quyền, hoặc đã được quy định cụ thể trong pháp luật. Tuy nhiên đối với quan hệ vợ chồng thì việc quy định phạm vi đại diện nhiều khi không có ý nghĩa. Chính bởi vậy việc quy định phạm vi đại diện giữa vợ và chồng nhiều khi không nhất thiết phải quy định. Vì mỗi hành động đại diện của một bên vợ chồng mang đầy tính trách nhiệm trong đó, kể cả trách nhiệm pháp lý lẫn trách nhiệm xã hội. Quy định phạm vi đại diện chỉ có ý nghĩa trong đại diện theo ủy quyền của vợ và chồng.

1.2. Sơ lược lịch sử pháp luật Việt Nam điều chỉnh của pháp luật về quan hệ đại diện giữa vợ và chồng ở Việt Nam

1.2.1. Giai đoạn trước cách mạng tháng Tám năm 1945

1.2.2. Giai đoạn từ 1945 đến nay

- Giai đoạn đất nước ta trong thời kỳ cách mạng dân chủ nhân dân (1945-1954)

Trong thời kỳ này vai trò của người vợ hầu như không có vì để được làm bất cứ điều gì đều phải có sự đồng ý của chồng hiện sự mất bình đẳng trong quan hệ vợ chồng. Chính vì vậy việc đại diện giữa vợ và chồng không thể thực hiện được một cách tuyệt đối, chỉ có một chiều. Người vợ có được thay mặt gia đình đi chẳng nữa nhưng nội dung của việc lập kế ước cũng phải do người chồng quyết định. Người đàn ông có toàn quyền sử dụng tài sản chung trong gia đình không cần phải có sự bằng lòng của người vợ trừ khi tài sản ấy là bất động sản là kỹ phần của người vợ miễn là dùng vào việc có ích lợi cho gia đình. Chính xuất phát từ hệ thống tư tưởng như vậy nên không có sự xuất hiện của đại diện của vợ cho chồng trong thời kỳ này.

- Giai đoạn nước nhà chia cắt cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam (1954-1975)

Trên phương diện pháp lý thì người vợ đã có những quyền lợi và nghĩa vụ cùng chồng mình quyết định những vấn đề quan trọng của gia đình. Trong sắc lệnh này chưa nhắc đến việc vợ chồng đại diện cho nhau nhưng thông qua các quy định về quyền của người phụ nữ để thấy được vị trí pháp lý của người phụ nữ trong mối quan hệ với người chồng và gia đình.

- Giai đoạn từ 1975 đến nay

Đến Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 lần đầu tiên quan hệ đại diện giữa vợ và chồng đã được nhắc đến tại Điều 24 của luật này. Đến đây vị trí của người phụ trong xã hội đã được khẳng định. Việc đánh giá công sức của người phụ nữ trong các hoạt động xã hội cũng như trong gia đình đã được thỏa đáng.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ QUAN HỆ ĐẠI DIỆN GIỮA VỢ CHỒNG Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật hiện hành về đại diện theo pháp luật giữa vợ và chồng và thực tiễn áp dụng

2.1.1. Đại diện giữa vợ chồng khi một bên vợ chồng bị mất năng lực hành vi dân sự và thực tiễn áp dụng

2.1.1.1. Điều kiện để xác định đại diện theo pháp luật giữa vợ và chồng một bên mất năng lực hành vi

Điều 17 Bộ luật Dân sự 2005: "Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền nghĩa vụ dân sự".

Một người chỉ bị coi là mất năng lực hành vi khi thỏa mãn ba tiêu chí:

* Theo Điều 22 của Bộ luật Dân sự 2005 người bị mất năng lực hành vi là: "*bị mắc bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận*

thức, làm chủ được hành vi của mình". Các bệnh khác như hoang loạn, hôn mê, tâm thần phân liệt, mất trí nhớ... không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình dù ở bất cứ lứa tuổi nào.

* Phải có đơn yêu cầu đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự theo mẫu và đi kèm theo đơn phải có kết luận của cơ quan chuyên môn và các chứng cứ khác để chứng minh người đó bị bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình (khoản 2 Điều 319 Bộ luật Tố tụng dân sự).

* Phải được Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi bằng một quyết định của Tòa án. Quyết định này tuân theo một trình tự nhất định được quy định trong Luật tố tụng dân sự.

Như vậy người vợ hoặc người chồng đương nhiên sẽ là người giám hộ cho người chồng hoặc vợ của mình khi thỏa mãn điều kiện về được quy định tại Điều 60 Bộ luật Dân sự 2005.

2.1.1.2. Quyền và nghĩa vụ của vợ hoặc chồng với tư cách là người đại diện cho chồng hoặc vợ của mình bị mất năng lực hành vi dân sự và thực tiễn áp dụng

Với tư cách là người giám hộ thì vợ hoặc chồng là đại diện đương nhiên cho chồng hoặc vợ mình bị mất năng lực hành vi sẽ có nhiều quyền và nghĩa vụ hơn khi làm đại diện. Người này có các quyền và nghĩa vụ như:

"Chăm sóc, bảo đảm việc điều trị bệnh cho người được giám hộ" (Khoản 1 Điều 67 Bộ luật Dân sự 2005), *"Quản lý tài sản của người được giám hộ"* (Khoản 3 Điều 67 Bộ luật Dân sự 2005) và *Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được giám hộ.* (Khoản 4 Điều 67 Bộ luật Dân sự 2005). Các quy định này của người giám hộ mặc dù là rộng hơn đối với các quy định về đại diện đương nhiên của vợ và chồng khi một bên mất năng lực hành vi dân sự nhưng lại là không thật cần thiết bởi các nghĩa vụ này đã mặc nhiên được công nhận khi hai người trở thành vợ chồng. Vợ chồng có nghĩa vụ *"thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau"* (Điều 18 Luật hôn nhân gia đình 2000). Hơn nữa tài sản cần được quản lý phần lớn là tài sản chung của vợ chồng nếu là tài sản riêng của người bị mất năng lực

hành vi thì người còn lại đương nhiên được quyền quản lý sử dụng. Nên trong trường hợp này ta có thể khẳng định đại diện giữa vợ và chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình và chế định giám hộ trong luật dân sự khi người bị mất năng lực hành vi là như nhau về quyền và nghĩa vụ.

"Sử dụng tài sản của người được giám hộ để chăm sóc, chi dùng cho những nhu cầu cần thiết cho người được giám hộ" (Khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự 2005), hoặc *"Được thanh toán các chi phí cần thiết cho việc quản lý tài sản của người được giám hộ"*, (Khoản 2, Điều 68 Bộ luật Dân sự 2005), thì cũng không cần thiết đối với quan hệ vợ chồng vì sẽ không ai thanh toán chi phí phát sinh cho việc quản lý tài sản của chính mình. Việc sử dụng tài sản của người được giám hộ cũng chính là tài sản của người giám hộ, nên việc sử dụng tài sản sẽ luôn đúng mục đích

Trong trường hợp tại Khoản 3 Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình, việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh phải được vợ chồng bàn bạc, thỏa thuận"* Ở đây khẳng định về việc thỏa thuận của vợ chồng khi đại diện cho nhau xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản có giá trị lớn. Có nhiều cách hiểu khác nhau về giá trị lớn tùy theo mức thu nhập, điều kiện kinh tế của mỗi gia đình. Nhưng có thể hiểu tài sản có giá trị lớn là khi đem ra giao dịch sẽ ảnh hưởng đến khối tài sản chung của vợ chồng. Còn tài sản là nguồn sống duy nhất của gia đình là nguồn thu từ tài sản đó đảm bảo cho hoạt động sinh hoạt bình thường của gia đình.

2.1.2. Đại diện giữa vợ chồng trong trường hợp vợ chồng bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và thực tiễn áp dụng

2.1.2.1. Điều kiện để xác định đại diện theo pháp luật giữa vợ và chồng một bên hạn chế năng lực hành vi dân sự

Theo Luật Phòng, chống ma túy năm 2000: *"Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này"* (khoản 11 Điều 2). Như vậy, nghiện ma túy là

tình trạng lệ thuộc về mặt tâm thần hoặc thể chất hoặc cả hai khi một người sử dụng ma túy lặp đi lặp lại theo chu kỳ hoặc dùng kéo dài liên tục một thứ ma túy và tình trạng lệ thuộc này làm thay đổi cách cư xử, bắt buộc đương sự luôn cảm thấy sự bức bách phải dùng ma túy để có được những hiệu ứng ma túy về mặt tâm thần của ma túy và thoát khỏi sự khó chịu, vật vã do thiếu ma túy.

Có đơn theo mẫu Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự từ những người có quyền và lợi ích liên quan, cơ quan tổ chức hữu quan yêu cầu Tòa án tuyên bố một người là hạn chế năng lực hành vi.

Quyết định của Tòa án tuyên bố một người là hạn chế năng lực hành vi tuân theo một trình tự nhất định được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

2.1.2.2. Quyền và nghĩa vụ của vợ hoặc chồng trong trường hợp chồng hoặc vợ của mình bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và thực tiễn áp dụng

Khoản 2 Điều 24 Luật hôn nhân và gia đình người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế năng lực hành vi do Tòa án chỉ định.

Tính đương nhiên được đại diện cho nhau giữa vợ và chồng không còn trong trường hợp này và nếu muốn là người đại diện cho nhau thì vợ hoặc chồng phải được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Có sự khác biệt giữa tư cách chủ thể của người đại diện cho người bị hạn chế năng lực hành vi và người bị mất năng lực hành vi. Khi vợ hoặc chồng bị tuyên bố là mất năng lực hành vi thì người còn lại sẽ là đại diện đương nhiên theo pháp luật của người bị mất năng lực hành vi, khi đó người đại diện sẽ là người giám hộ. Còn khi vợ hoặc chồng là người đại diện được Tòa án chỉ định cho người bị hạn chế năng lực hành vi thì người đại diện chỉ được xác lập các giao dịch trong phạm vi đại diện.

Tại khoản 2, Điều 23 Bộ luật Dân sự 2005: "*Giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày*". Đó là những giao dịch phải nhằm phục vụ

nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của cá nhân người bị hạn chế năng lực hành vi và gia đình họ. Các tiêu chí của "nhu cầu sinh hoạt thiết yếu" có thể thay đổi theo sự phát triển của xã hội.

Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình 2000: "*Vợ hoặc chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình*".

Trong giao dịch liên quan đến tài sản chung phải có sự thống nhất của vợ chồng thì việc liên đới thực hiện hợp đồng sẽ có thể xảy ra. Như vậy, người bị hạn chế năng lực hành vi cũng phải thống nhất ý chí trong giao dịch, nhưng trên thực tế hỏi ý kiến người hạn chế năng lực hành vi là hết sức khó khăn.

2.2. Thực trạng pháp luật hiện hành về đại diện theo ủy quyền giữa vợ và chồng và thực tiễn áp dụng

2.2.1. Căn cứ pháp lý của việc đại diện theo ủy quyền giữa vợ và chồng

2.2.1.1. Chủ thể đại diện trong quan hệ đại diện giữa vợ và chồng

Theo Khoản 1 Điều 24 Luật Hôn nhân gia đình 2000: "*Vợ chồng có thể ủy quyền cho nhau xác lập, thực hiện và chấm dứt các giao dịch mà theo quy định của pháp luật phải có sự đồng ý của cả vợ chồng; việc ủy quyền phải được lập thành văn bản*". Việc ủy quyền phải tuân thủ các quy định về đại diện theo ủy quyền của pháp luật dân sự Việt Nam được Khoản 1, Điều 142 Bộ luật Dân sự "*Đại diện theo ủy quyền là đại diện được xác lập theo sự ủy quyền giữa người đại diện và người được đại diện*".

1) Quan hệ giữa người đại diện và người được đại diện.

Trong nhiều giao dịch tư cách chủ thể của hai người này là thống nhất với nhau vì đây là chủ thể đặc biệt trong pháp luật dân sự.

2) Quan hệ giữa người đại diện theo ủy quyền với bên thứ ba của giao dịch.

Người đại diện theo ủy quyền là cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 143 thì "*người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi có thể là người đại diện theo ủy quyền, trừ trường hợp pháp luật quy*

định giao dịch dân sự phải do người từ đủ mười tám tuổi trở lên xác lập, thực hiện".

Với vợ và chồng thì khi đại diện hầu như không đặt ra vấn đề này, chỉ có một trường hợp duy nhất đó là vợ chưa thành niên.

2.2.1.2. Phạm vi đại diện trong đại diện theo ủy quyền giữa vợ và chồng

Phạm vi đại diện là giới hạn quyền, nghĩa vụ theo đó người đại diện nhân danh người được đại diện xác lập, thực hiện giao dịch dân sự đối với người thứ ba. "*Phạm vi đại diện theo ủy quyền được xác lập theo sự ủy quyền*" (Khoản 2 Điều 144 Bộ luật Dân sự 2005), như vậy "*người đại diện chỉ được thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện*" (Khoản 3 Điều 144 Bộ luật Dân sự 2005) Người đại diện theo ủy quyền còn phải có nghĩa vụ "*thông báo cho người thứ ba trong giao dịch dân sự biết về phạm vi đại diện của mình*" (Khoản 4 Điều 144 Bộ luật Dân sự 2005).

Nhưng phạm vi đại diện giữa vợ và chồng không nhất thiết được quy định rõ ràng như vậy. Bên cạnh đó nhiều quan hệ xã hội theo pháp luật không được đại diện nhưng vợ chồng vẫn đại diện cho nhau trong quá trình chung sống (về nhân thân..)

2.2.1.3. Hình thức văn bản ủy quyền của đại diện giữa vợ và chồng

Theo Khoản 2, Điều 142 Bộ luật Dân sự thì "*hình thức ủy quyền do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp pháp luật quy định việc ủy quyền phải được lập thành văn bản*".

Nhưng Khoản 1 Điều 24 Luật hôn nhân và gia đình việc ủy quyền giữa vợ và chồng trong các giao dịch dân sự mà cần phải có sự nhất trí của hai vợ chồng "*phải được lập thành văn bản*".

Về hình thức của việc ủy quyền bằng văn bản dạng đó là Giấy ủy quyền và Hợp đồng ủy quyền. Giấy ủy quyền là một hình thức đại diện ủy quyền do chủ thể bằng hành vi pháp lý đơn phương thực hiện, trong đó ghi nhận việc người ủy quyền chỉ định người được ủy quyền đại diện mình thực hiện một hoặc nhiều công việc trong phạm vi ủy quyền.

Hợp đồng ủy quyền được quy định rõ ràng tại Mục 12 Chương XVIII Bộ luật Dân sự.

Người đại diện và người được đại diện ở đây đã chung ý chí và chỉ cần một loại giấy ủy quyền chứng minh sự thống nhất ý chí của cả hai vợ chồng là đủ đảm bảo cho giao dịch cũng như tránh tranh chấp về sau này.

2.2.2. Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền và thực tiễn áp dụng

2.2.2.1. Vợ, chồng đại diện cho nhau trong việc thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn, tài sản là nguồn sống duy nhất của gia đình hoặc dùng tài sản đầu tư kinh doanh và thực tiễn áp dụng.

Khoản 3 Điều 28: "*Việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình, việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh phải được vợ chồng bàn bạc, thỏa thuận*".

"*Đối với các giao dịch dân sự mà pháp luật không có quy định phải tuân theo hình thức nhất định, nhưng giao dịch đó có liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng*" (Điều 4 Nghị định số 70/2001/NĐ-CP).

Việc xác định tài sản lớn còn chưa rõ ràng, đặc biệt là các tài sản này được đưa vào hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực cần sự nhạy bén trong (chứng khoán) bên cạnh đó rất khó xác định ý chí thống nhất của vợ hoặc chồng khi một bên tham gia giao dịch.

Tài sản là nguồn sống duy nhất không liên quan đến đầu tư kinh doanh cũng phải có sự thỏa thuận của vợ chồng.

2.2.2.2. Vợ, chồng đại diện cho nhau trong việc thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản riêng của một bên vợ chồng

- Sau khi chia tài sản chung sẽ là tài sản riêng của hai vợ chồng, mỗi người có quyền tự do định đoạt tài sản theo ý mình.

Việc xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt các giao dịch liên quan đến định đoạt tài sản thuộc sở hữu riêng của một bên vợ hoặc chồng nhưng tài sản đó đã đưa vào sử dụng chung mà hoa lợi, lợi tức phát sinh là nguồn sống duy nhất của gia đình mà pháp luật quy định thì sự thỏa thuận của vợ chồng cũng phải tuân theo hình thức đó (lập thành văn bản có chữ ký của vợ, chồng hoặc phải có công chứng, chứng thực...).

Sau khi đưa tài sản riêng vào sử dụng chung có phát sinh hoa lợi, lợi tức là nguồn sống duy nhất của gia đình thì theo quy định của pháp luật việc xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch liên quan đến loại tài sản này được phải có sự thỏa thuận của vợ chồng. Đây là một hạn chế quyền sở hữu đối với cá nhân.

Nhưng cần phải chia hai trường hợp sau: Tài sản tham gia vào giao dịch chính là tài sản riêng của người đại diện theo ủy quyền cho chồng hoặc vợ mình thì đương nhiên không cần đại diện vì họ đã dùng tài sản riêng của mình để giao dịch và cũng không bị đưa vào sử dụng chung khi tài sản chung không đủ đáp ứng nhu cầu gia đình (Khoản 4 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình). Còn nếu là tài sản riêng của người được đại diện thì người đại diện lúc này có quyền định đoạt tài sản riêng đó. VD: Nếu chồng định đoạt tài sản riêng của vợ và vợ không đồng ý thì người chồng phải chịu trách nhiệm về hậu quả giao dịch bằng tài sản riêng của mình. Tuy nhiên nếu người vợ biết và buộc phải biết là người chồng đã sử dụng tài sản riêng của mình vào giao dịch mà không có ý kiến gì thì được coi là mặc nhiên đồng ý cho người chồng sử dụng tài sản của mình trong giao dịch dưới hình thức vay, mượn...

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐẠI DIỆN GIỮA VỢ VÀ CHỒNG

3.1. Nhu cầu khách quan và phương hướng hoàn thiện pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng

3.1.1. Nhu cầu khách quan của việc hoàn thiện pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng

** Sự tác động của quá trình phát triển các quan hệ xã hội trong thời gian qua tại Việt Nam*

Do điều kiện kinh tế ngày càng ổn định và phát triển việc vợ chồng càng có nhiều điều kiện để thể hiện việc quan tâm, chăm sóc đến nhau cũng như đến những thành viên khác trong gia đình. Vợ chồng có thể tham gia giao dịch qua mua bán, trao đổi dịch vụ, tặng cho... để thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc nhau và chăm sóc gia đình nói chung,

** Xu hướng phát triển dân chủ định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền với mục tiêu tôn trọng và bảo vệ và bảo vệ quyền tự do, bình đẳng của cá nhân*

Xuất phát từ nguyên tắc đảm bảo quyền tự do của công dân, được ghi nhận tại Hiến pháp 1992 thì để đảm bảo các quyền và lợi ích của mỗi cá nhân ngay cả khi họ không thể trực tiếp tham gia được các giao dịch dân sự, kinh tế và các quan hệ ngoài xã hội nên việc hoàn thiện chế định pháp luật về đại diện được quan tâm.

Vợ và chồng cũng vậy, họ cũng là những cá nhân chủ thể nhất định trong đời sống xã hội, chính bởi vậy họ có quyền lựa chọn những hình thức nhất định để thực hiện các quyền năng của mình. Bên cạnh đó họ còn phải có những trách nhiệm nhất định trong cuộc sống. Việc vợ chồng kết hợp hài hòa các lợi ích này, thay nhau chăm sóc người thân trong gia đình để góp phần ổn định xã hội là việc cần thiết.

** Thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành còn thiếu tính đồng bộ, còn nhiều bất cập khi áp dụng trong thực tế*

Thứ nhất, pháp luật hiện hành thiếu thống nhất và chưa có hệ thống, đặc biệt là các quan hệ có tính truyền thống trong pháp luật dân sự. Việc các quy định chưa rõ ràng trong việc xác định chế độ sở hữu tài sản, cũng như khả năng điều chỉnh về xác định sở hữu chung, riêng đối với tài sản. Các quy định của pháp luật trong Luật Hôn nhân và gia đình cũng chưa đủ sức để giải quyết các tranh chấp về tài sản vợ chồng phát sinh khi tham gia vào các giao dịch dân sự, thương mại nên vẫn phải viện dẫn các quy định của ngành luật khác để giải quyết tranh chấp.

Thứ hai, Pháp luật hiện hành chưa có các cầu nối trong các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật. Cầu nối này đảm bảo sao cho dung hòa được lợi ích các bên khi tham gia giao dịch. Việc thống nhất pháp luật trong một thể thống nhất là điều kiện tiên quyết cho việc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Thứ ba, pháp luật hiện hành chưa dự liệu được những quan hệ pháp luật phát sinh trong xã hội. Đó chính là quan hệ của vợ chồng đối với các loại tài sản mang tính chất vô hình như các sản phẩm về sở hữu trí tuệ.

Thứ tư, pháp luật hiện hành chưa xây dựng các chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử giữa vợ với chồng, vợ chồng với các thành viên khác trong gia đình một cách cụ thể, đặc biệt các nghĩa vụ còn mang tính chung chung, dựa nhiều vào các quy tắc ứng xử trong đạo đức, xã hội.

Thứ năm, quy định pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng là chưa thống nhất trong Luật hôn nhân gia đình mà còn nằm rải rác ở các luật chuyên ngành. Thêm nữa kỹ thuật soạn thảo các quy định pháp luật, cũng như cách giải thích pháp luật gây những cách hiểu khác nhau trong khi áp dụng pháp luật.

3.1.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng

Thứ nhất, Pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng phải đảm bảo sự kết hợp hài hòa lợi ích của các chủ thể, của gia đình và xã hội.

Việc đảm bảo lợi ích của mỗi cá nhân trong khi tham gia các quan hệ pháp luật là nhiệm vụ cũng như mục đích hướng tới của các chủ thể. Tuy nhiên mỗi cá nhân lại có những đòi hỏi khác nhau về nhu cầu và đều mong lợi ích lớn nhất về mình. Vì vậy pháp luật chính là cán cân cần thiết để điều chỉnh hài hòa các nhóm lợi ích đối lập nhau này.

Thứ hai, Pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng phải đảm bảo mối tương quan với các văn bản pháp luật chuyên ngành khác.

Việc điều chỉnh khác nhau giữa các văn bản pháp luật của luật chuyên ngành dẫn đến ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của vợ chồng về tài sản. Nếu đảm bảo luật hôn nhân và gia đình thực hiện tốt thì lại ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động kinh doanh và ngược lại. Bởi những quan hệ kinh tế đòi hỏi vợ, chồng phải có những quyết định nhanh nhạy, nhưng muốn vậy họ phải chủ động về tài sản. Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành chưa theo kịp diễn biến của những quan hệ kinh tế, dân sự hiện nay.

Thứ ba, pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng phải đảm bảo tính khả thi trong xu thế hội nhập và phát triển.

Hội nhập kinh tế quốc tế là tiến trình tham gia quá trình toàn cầu hóa kinh tế, đó là "quá trình hợp tác trên cơ sở có đi có lại, trong đó các quốc gia dành cho nhau sự đối xử ưu đãi trên cơ sở tôn trọng, chấp nhận các luật lệ và tập quán quốc tế".

Tuy đã có nhiều thành tựu nhưng vẫn còn chưa theo kịp với sự vận động xã hội của các nước. Lấy nguyên tắc kết hợp hài hòa lợi ích của các chủ thể khác nhau trong quan hệ pháp luật cũng như việc lấy quyền con người làm cơ sở xây dựng pháp luật

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện và đảm bảo thực hiện của pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng

Thứ nhất, bổ sung "Người chưa thành niên mà kết hôn thì được coi là đã thành niên." vào chương III - Quan hệ vợ chồng trong Luật Hôn nhân và gia đình để tránh việc khó áp dụng về quy định độ tuổi trong Luật Hôn nhân và gia đình và luật dân sự, phù hợp với thực tiễn.

Thứ hai, trong phạm vi luận văn này xin đưa ra giải pháp là quyết định của Tòa án tuyên một người đã bị mất năng lực hành vi sẽ có hiệu lực ngược trở lại kể từ khi có kết quả giám định pháp y chứ không phải kể từ ngày ra quyết định tuyên bố một người bị mất năng lực hành vi.

Nên quy định trách nhiệm của cơ quan giám định nên xác định hạn chế năng lực hành vi và mức độ hạn chế năng lực hành vi để từ đó cơ quan Tòa án sẽ có cơ sở hơn trong việc tuyên bố một người là hạn chế năng lực hành vi.

Tiếp nữa, trong vấn đề tuyên bố một người bị mất, hạn chế năng lực hành vi thì việc tham gia có ý kiến của những tổ chức xã hội trong cộng đồng dân cư là vô cùng cần thiết.

Thứ ba, đối với giao dịch liên quan đến tài sản chung của vợ chồng mà lẽ ra phải có sự thống nhất của hai vợ chồng nhưng khi tham gia chỉ có một bên sẽ làm cho hợp đồng dân sự đó trở nên bất hợp pháp, song thông qua các hợp đồng đó vẫn nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình, thì bên vợ hoặc chồng không tham gia hợp đồng dân sự vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc xử lý hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Nên quy định: "Khi giao dịch dân sự khi liên quan đến tài sản có giá trị lớn, là tài sản chung, riêng của vợ chồng thì nghĩa vụ thông báo về nguồn gốc tài sản là của bên có tài sản. Và bên muốn hoặc được nhận tài sản buộc phải biết nguồn gốc tài sản được nhận đó".

Thứ tư, về hình thức ủy quyền giữa vợ và chồng: Nên quy định hình thức ủy quyền của vợ chồng là giấy ủy quyền có công chứng của Ủy ban nhân dân là đủ vì thực chất quan hệ hôn nhân đã là một sự bảo đảm đáng tin cậy đối với bên thứ ba khi tham gia giao dịch.

Thứ năm, về giải quyết các giao dịch do một bên vợ chồng thực hiện thì yếu tố "biết mà không phản ứng gì" được xem như một căn cứ xác định ý chí của một bên vợ chồng khi bên kia thực hiện giao dịch, đặc biệt là đối với giao dịch có giá trị lớn là động sản. Các biện pháp như đăng ký quyền sở hữu đối với đất đai và các tài sản khác theo quy định của pháp luật cần khẩn trương được tiến hành.

Thứ sáu, việc quy định phạm vi đại diện trong đại diện giữa vợ và chồng cần được quy định cụ thể hơn trong Luật Hôn nhân và gia đình. Vì giới hạn này càng rõ ràng thì việc áp dụng càng đơn giản, có hiệu quả và không gây tranh cãi cũng như tranh chấp.

Thứ bảy, không nên quy định vợ hoặc chồng là đại diện đương nhiên theo pháp luật khi một bên bị mất năng lực hành vi dân sự mà sẽ là người có trách nhiệm nhất định trong việc giao dịch liên quan đến tài của người mất năng lực hành vi dân sự.

KẾT LUẬN

Việc đại diện giữa vợ và chồng là một quan hệ xã hội đã có từ lâu, truyền thống trong đời sống xã hội của chúng ta. Đây là một biện pháp hỗ trợ hữu ích để thực hiện một cách tốt nhất năng lực pháp luật của các chủ thể nói chung và vợ và chồng nói riêng.

Khi được pháp luật điều chỉnh, đại diện giữa vợ và chồng không còn là những việc làm thay, làm hộ đơn thuần được điều chỉnh bằng các quy phạm đạo đức nữa mà đã chuyển sang một có chế điều chỉnh mới đó là một chế định pháp lý trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Qua mỗi thời kỳ, giai đoạn phát triển của xã hội các quy định về đại diện nói chung và đại diện giữa vợ và chồng nói riêng có sự thay đổi, phát triển kế thừa các quy định trước để đảm bảo điều chỉnh phù hợp kịp thời với sự vận hành của xã hội.

Mục tiêu điều chỉnh pháp luật của các quan hệ đại diện giữa vợ và chồng là nhằm bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích của vợ và chồng đồng thời bảo vệ lợi ích của người thứ ba trong giao dịch, đảm bảo ổn định trật tự xã hội.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường hội nhập và hợp tác quốc tế, nội dung năng lực chủ thể của các cá nhân ngày càng phong phú đồng thời phát sinh cao hơn về quan hệ đại diện. Vì vậy việc thực hiện pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu đó là tất yếu khách quan.

Trên cơ sở sự phân tích, đánh giá một cách khái quát những mặt tác động tích cực cũng như những mặt còn hạn chế của pháp luật về đại diện giữa vợ và chồng kết hợp với việc kiến nghị và nêu ra một số giải pháp nhằm làm hoàn thiện và nâng cao hơn nữa hiệu quả điều chỉnh của pháp luật đối với đại diện giữa vợ và chồng. Chúng tôi cho rằng việc áp dụng kế thừa và phát triển có chọn lọc các quy phạm pháp luật hợp lý, tiến bộ có tính nhân văn trong việc chỉ đạo thực hiện cũng như áp dụng pháp luật thì nhất định việc đại diện giữa vợ và chồng sẽ được xã hội chấp nhận cũng như việc áp dụng rộng rãi.

Thêm nữa để hoàn thiện pháp luật và đảm bảo thực hiện tốt hơn chế định đại diện giữa vợ và chồng vấn đề không chỉ dừng lại ở việc hoàn thiện nội dung các quy định pháp luật về đại diện mà còn cần thiết hoàn thiện các vấn đề liên quan khác như vấn đề nhân thân, tài sản của cá nhân, quản lý nhà nước về hộ tịch, về thu nhập hợp pháp của cá nhân v.v...

Đặc biệt trong bối cảnh đất nước còn khó khăn thì việc tham gia của vợ, chồng và tài sản của họ vào các hoạt động sản xuất kinh doanh càng được khuyến khích để nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển hôn nhân bền vững góp phần xây dựng đất nước ngày càng ấm no, hạnh phúc.